TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: **56**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05.9.2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Ông Mai Văn Du

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **125**/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị T**, sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: A T, quận T, TP Đà Nẵng.

-***Bị đơn:*** Anh **Trần Nam D,** sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Trần Nam D quen nhau được khoảng 01 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng vào ngày 10/7/2018.

Sau khi cưới chúng tôi sống tại nhà riêng của anh D ở phường H, quận C, TP Đà Nẵng; đến tháng 3/2019 thì tôi chuyển về nhà ba mẹ tôi ở A T, quận T, TP Đà Nẵng sống; anh D vẫn sống ở nhà anh D; thỉnh thoảng tôi vẫn cho con về thăm anh D. Chúng tôi chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn ngay từ khi kết hôn; trước đây vào năm 2021 tôi đã gửi đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ; nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng tôi vẫn không khắc phục được mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình

không hợp; anh D không tôn trọng tôi; sống không có trách nhiệm với vợ con. Hiện nay chúng tôi đang sống ly thân, tôi về nhà cha mẹ sống còn anh D vẫn sống tại nhà riêng của anh D.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Nam D.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Trần Nam Bảo D1, sinh ngày 03/10/2018. Hiện nay cháu D1 đang sống cùng tôi.

Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nam Bảo D1.

Theo đơn khởi kiện, tôi yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cho cháu Trần Nam Bảo D1 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Tuy nhiên hiện nay anh D không đến Tòa án tham gia theo triệu tập của Tòa án; không có thiện chí và trách nhiệm với vợ con. Do vậy tôi không cần yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu D1 như nội dung đã khởi kiện trước đây nữa.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Nam D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh D vẫn vắng mặt không có lý do và anh D cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Trần Nam D đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt anh D.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Trần Nam D:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Nam D.

- Về quan hệ con chung:

Xử giao con chung là Trần Nam Bảo D1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên anh Trần Nam D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Trần Nam D và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Nam D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Nam D.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Chị Trần Thị T và anh Trần Nam D quen nhau được khoảng 01 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng vào ngày 10/7/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T anh D sống tại nhà riêng của anh D ở phường H, quận C, TP Đà Nẵng; đến tháng 3/2019 thì chị T chuyển về nhà ba mẹ chị ở A T, quận T, TP Đà Nẵng sống; anh D vẫn sống ở nhà anh D; thỉnh thoảng chị T vẫn cho con về thăm anh D.

Theo chị T thì vợ chồng chị quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn ngay từ khi kết hôn; trước đây vào năm 2021 chị T cũng đã gửi đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ; nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp; anh D không tôn trọng chị; sống không có trách nhiệm với vợ con. Hiện nay chị và anh D đang sống ly thân, chị T về nhà cha mẹ sống còn anh D vẫn sống tại nhà riêng của anh D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Nam D.

[2.3] Trong qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho anh Trần Nam D có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh D vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt anh Trần Nam D.

[2.4] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa chị T và anh D không có đời sống hôn nhân thực sự, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị T và anh D hiện không

sống cùng nhau; mỗi người sống mỗi nơi; không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau.

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Trần Nam D là hợp lý.

[2.5] Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Nam Bảo D1, sinh ngày 03/10/2018. Hiện nay cháu D1 đang sống cùng với chị T. Vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu Trần Nam Bảo D1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5.1] Xét nguyện vọng của chị T thì thấy:

Đối với con chung là cháu Trần Nam Bảo D1 hiện đang sống cùng mẹ là chị T. Chị T có công việc ổn định và có thu nhập nên đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của cháu D1, cũng như cháu D1 còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc chu đáo của mẹ. Do vậy, HĐXX nghĩ nên giao cháu D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu và anh D cũng không có ý kiến về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.7] Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

[2.9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Nam D.Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Trần Nam Bảo D1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên anh Trần Nam D không phải cấp dưỡng nuôi con.Về quan hệ tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.Về quan hệ nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Trần Nam D về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Nam D**.**

II/ Về quan hệ con chung: Xử:

-Giao con chung là cháu Trần Nam Bảo D1, sinh ngày 03/10/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Nam D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại biên lai thu số 0000774 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Trần Nam D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
- UBND phường Hòa Thọ Đông, q . Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 75/2018
ngày 10/7/2018)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**